

Án lệ số 05/2016/AL

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 39/2014/DS-GĐT ngày 09-10-2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế” tại Thành phố Hồ Chí Minh giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thuởng, bà Nguyễn Thị Xuân với bị đơn là ông Nguyễn Chí Trai (Cesar Trai Nguyen), chị Nguyễn Thị Thuý Phượng, bà Nguyễn Thị Bích Đào; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Xê, Nguyễn Chí Đạt (Danforth Chi Nguyen), Nguyễn Thuận Lý, Nguyễn Thị Trinh, Nguyễn Chí Đức, Nguyễn Thị Thuý Loan, Phạm Thị Liên, Phạm Thị Vui, Trần Đức Thuận, Trần Thành Khang.

Khái quát nội dung của án lệ:

Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế (vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế), không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; nếu Tòa án quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Khoản 1 Điều 5 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004;

Từ khóa của án lệ:

“Yêu cầu khởi kiện”; “Yêu cầu phản tố”; “Công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18-7-2008 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thuởng, bà Nguyễn Thị Xuân trình bày: Cha mẹ các bà là cụ Nguyễn Văn Hưng (chết năm 1978), cụ Lê Thị Ngự (chết năm 1992) có 06 người con là bà Nguyễn Thị Xê, ông Nguyễn Chí Trai, bà Nguyễn Thị Xuân, bà Nguyễn Thị Thuởng, bà Nguyễn Thị Trinh và ông Nguyễn Chí Trai. Ông Trai có vợ là bà Ông Thị Mạnh và có 05 người con là anh Nguyễn Thuận Lý, anh Nguyễn Thuận Huy, chị Nguyễn Thị Quới Đường, anh Nguyễn Chí Đạt (sinh năm 1966) và anh Nguyễn Chí Đạt (sinh năm 1968). Tại Quyết định số 413/2008 ngày 31-3-2008, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố ông Trai, bà Mạnh, anh Thuận Huy, chị Quới Đường, anh Nguyễn Chí Đạt (sinh năm 1968) là đã chết.

Căn nhà số 263 đường Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh do cụ Hưng, cụ Ngự nhận chuyển nhượng đất của ông Đào Thành Phụng năm 1953, đến năm 1966 thì hai cụ xây dựng nhà ở như hiện nay. Nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất, chỉ mới kê khai năm 1999. Cụ Hưng, cụ Ngự chết đều không để lại di chúc, căn nhà hiện nay do chị Nguyễn Thị Thuý Phượng là con ông Nguyễn Chí Trai đang quản lý. Quá trình quản lý, chị Phượng cho bà Nguyễn Thị Bích Đào thuê một phần căn nhà để làm lò bánh mì. Khi chị Phượng ở đây có sửa chữa nhà nhưng không đáng kể. Vợ chồng ông Trai không có đóng góp gì vào việc xây dựng và sửa chữa vì ông Trai đi cải tạo, còn bà Tư vợ ông Trai không có

nghề nghiệp, con còn bé không có thu nhập để có tiền đóng góp. Nếu chị Phượng có chứng cứ chứng minh chi phí sửa chữa và yêu cầu thì các bà sẽ trả.

Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế căn nhà này theo quy định của pháp luật và xin được nhận nhà, hoàn lại bằng tiền cho các thừa kế khác. Chị Phượng không thuộc diện thừa kế nên phải trả lại nhà, không đồng ý hỗ trợ chị Phượng đi nơi khác.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thuý Phượng trình bày: Chị thống nhất về quan hệ gia đình. Cha chị là ông Nguyễn Chí Trãi, mẹ chị là bà Nguyễn Thị Tư có 03 người con gồm chị, anh Nguyễn Chí Đức, chị Nguyễn Thị Thuý Loan (anh Đức, chị Loan hiện sống ở Canada). Căn nhà số 263 đường Trần Bình Trọng là của ông bà nội chị mua từ năm 1953, khi đó là nhà ngói, vách ván. Năm 1955, cha chị kết hôn với mẹ chị và cha mẹ chị ở tại căn nhà này. Năm 1978 cha chị xuất cảnh sang Mỹ, mẹ chị chết năm 1980. Chị sống tại căn nhà này từ nhỏ đến nay, đã sửa chữa nhà nhiều lần như làm cửa nhôm, xây tường phần gác lửng, lát gạch men sân thượng, xây tường phía sau nhà. Chị có phần thừa kế của cha chị vì năm 2006 cha chị đã lập tờ cho đứt chị tài sản thừa kế ở Việt Nam nên chị được phần thừa kế mà cha chị được hưởng của cụ Hưng, cụ Ngự. Chị không đồng ý yêu cầu của các nguyên đơn, vì thời hiệu chia thừa kế đã hết, hiện tại chị và 02 con của chị đang sống tại căn nhà này. Chị có cho bà Nguyễn Thị Bích Đào thuê một phần nhà làm lò bánh mì, chị và bà Đào sẽ tự giải quyết với nhau về việc thuê nhà.

Bị đơn là ông Nguyễn Chí Trãi trình bày: Tại văn bản ngày 14-10-2009, ông Trãi có đơn đề nghị có nội dung ngày 25-4-2006 ông có giấy cho đứt tài sản thừa kế của ông cho chị Phượng được hưởng phần tài sản thừa kế mà ông được hưởng của cha mẹ tại Việt Nam, nay ông xin huỷ bỏ văn bản trên và bằng văn bản này ông xin uỷ quyền cho bà Thường, bà Xuân thay mặt ông tại Tòa án, khi Tòa xét xử xong phần tài sản thừa kế của ông xin được trao hết cho con trai ông là anh Nguyễn Chí Đức hiện cư trú tại Canada.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22-4-2010, ông Trãi có Đơn tường trình nội dung ông không đồng ý chia thừa kế nhà 263 Trần Bình Trọng mà giao cho chị Phượng tiếp tục trông nom để ở, ông và vợ ông đã có công sức đóng góp tiền của vào căn nhà này. Nhưng đến ngày 14-7-2010, ông Trãi lại có văn bản có nội dung ông cho con trai là anh Nguyễn Chí Đức phần tài sản ông được nhận thừa kế của cha mẹ. Ngày 11-3-2011, ông Trãi có Tờ tường trình nội dung ông đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ông không kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Trinh (là con cụ Hưng, cụ Ngự) trình bày: Bà thống nhất như trình bày của các nguyên đơn về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản. Năm 1966 nhà bị hư đột, cha mẹ bà có sửa lại nhà có sự đóng góp của các con trong đó có bà nhưng bà không yêu cầu phần bà đã đóng góp. Việc chị Phượng cho rằng cha mẹ chị và chị có đóng góp trong việc sửa chữa nhà là không đúng. Bà đề nghị kỷ phần thừa kế của bà giao cho bà Xuân, bà Thường quản lý; đề nghị bà Đào, chị Phượng trả lại nhà.

- Anh Nguyễn Chí Đạt (sinh năm 1966), anh Nguyễn Thuần Lý trình bày: Cha mẹ các anh là ông Nguyễn Chí Trãi, bà Ông Thị Mạnh cùng 03 người em của các anh đều đã chết trên biển khi vượt biên vào năm 1982. Các anh đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về việc chia thừa kế, xin được hưởng thừa kế tài sản của cụ Hưng, cụ Ngự và giao cho bà Thường, bà Xuân quản lý.

- Bà Nguyễn Thị Xê (là con của cụ Hưng, cụ Ngự) thống nhất với trình bày của các nguyên đơn về quan hệ gia đình và yêu cầu của các nguyên đơn, ký phần thừa kế bà được hưởng cho 02 con của bà là Phạm Thị Vui và Phạm Thị Liên.

- Lời khai của chị Nguyễn Thị Thuý Loan, anh Nguyễn Chí Đức theo giấy uỷ quyền lập ngày 21-5-2007 (đã được hợp pháp hoá lãnh sự) thì chị Loan, anh Đức uỷ quyền cho chị Phượng quyết định mọi sự việc liên quan đến những tranh chấp hay phân chia tài sản và nhà đất bên Việt Nam (Giấy uỷ quyền này do chị Phượng xuất trình theo đơn của chị Phượng đề ngày 25-3-2011, sau khi xét xử sơ thẩm).

Chị Loan có đơn (kèm theo văn bản uỷ quyền) có nội dung xin vắng mặt phiên toà ngày 13-8-2009. Về tài sản tranh chấp cha mẹ chị có tiền đóng góp, còn các cô chú khác không đóng góp gì. Sau năm 1975, mọi người đi hết, chỉ còn mình chị Phượng ở với ông bà, đề nghị Tòa cho chị Phượng ở lại nhà đất tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3363/2009/DSST ngày 18-11-2009, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Xác định nhà đất tại 263 Trần Bình Trọng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hưng, cụ Lê Thị Ngự; mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là 10.655.687.000: 6 = 1.775.947.800 đồng.

- Buộc mẹ con chị Phượng và bà Đào giao lại nhà đất tranh chấp cho bà Thuởng, bà Xuân. Bà Thuởng, bà Xuân có trách nhiệm trả cho các thừa kế khác bằng tiền mà họ được hưởng.

- Ghi nhận việc ông Nguyễn Chí Trãi cho con là anh Nguyễn Chí Đức được nhận kỹ phần thừa kế của ông.

Ngày 30-11-2009, chị Nguyễn Thị Thuý Phượng có đơn kháng cáo có nội dung cho rằng cụ Hưng, cụ Ngự chết đã quá 10 năm nên thời hiệu khởi kiện về thừa kế không còn.

Ngày 15-3-2011, chị Phượng có đơn kháng cáo bổ sung nội dung:

- Cha chị là ông Trãi không đồng ý chia và đồng ý cho chị quản lý căn nhà này. Các đồng thừa kế không có văn bản xác nhận nhà tranh chấp là tài sản chung chưa chia. Cha mẹ chị và các con trong đó có chị đã sống ổn định hơn 50 năm tại căn nhà này, đã bảo quản, giữ gìn căn nhà nhưng nay lại buộc mẹ con chị phải ra khỏi nhà là không thấu tình đạt lý.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 116/2011/DS-PT ngày 10-5-2011, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ngày 16-6-2011, chị Nguyễn Thị Thuý Phượng có đơn đề nghị giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 158/2014/KN-DS ngày 06-5-2014, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 3363/2009/DSST ngày 18-11-2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhận định:

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn Hưng (chết năm 1978), cụ Lê Thị Ngự (chết năm 1992) có 06 người con gồm bà Nguyễn Thị Xê, ông Nguyễn Chí Trái, bà Nguyễn Thị Xuân, bà Nguyễn Thị Thường, bà Nguyễn Thị Trinh và ông Nguyễn Chí Trai. Vợ chồng ông Nguyễn Chí Trai, bà Ông Thị Mạnh có 05 người con là anh Nguyễn Thuận Lý, anh Nguyễn Thuận Huy, chị Nguyễn Thị Quới Đường, anh Nguyễn Chí Đạt (sinh năm 1966), anh Nguyễn Chí Đạt (sinh năm 1968). Ông Trai, bà Mạnh, anh Huy, chị Đường, anh Nguyễn Chí Đạt (sinh năm 1968) bị tuyên bố chết ngày 31-3-2008 theo Quyết định số 413/2008 ngày 31-3-2008 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Cụ Hưng, cụ Ngự chết đều không để lại di chúc. Các con của hai cụ và chị Phượng (con ông Trái) đều thừa nhận căn nhà số 263 đường Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh do cụ Hưng, cụ Ngự nhận chuyển nhượng của ông Đào Thành Phụng năm 1953 là tài sản của hai cụ tạo lập, hiện tại đang do chị Phượng quản lý, sử dụng.

Năm 2008, bà Xuân, bà Thường khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Hưng, cụ Ngự để lại.

Các đương sự đều xác định ông Trái định cư tại Mỹ trước ngày 01-7-1991. Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm căn cứ Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27-7-2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xác định thời hiệu khởi kiện thừa kế đối với di sản của cụ Hưng vẫn còn là có cơ sở. Đối với di sản của cụ Ngự thì đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, nhưng ông Trái và các đồng thừa kế của hai cụ đều thừa nhận di sản của cụ Ngự là tài sản chung của các thừa kế chưa chia và đều nhất trí chia đều cho các thừa kế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm căn cứ tiểu mục a điểm 2.4 mục 2 phần I Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình để chia phần di sản của cụ Ngự cho các thừa kế là có căn cứ. Cụ Hưng chết năm 1978, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì ông Trái được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế của cụ Hưng. Phần tài sản ông Trái được hưởng của cụ Hưng là tài sản chung của vợ chồng ông Trái, bà Tư. Bà Tư chết năm 1980, các thừa kế của bà Tư gồm ông Trái và 03 người con của ông Trái, bà Tư trong đó có chị Phượng. Như vậy, chị Phượng được hưởng một phần tài sản của mẹ là bà Tư, nhưng ông Trái đã định đoạt toàn bộ kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng của cụ Hưng cho anh Đức là chưa đúng.

Chị Phượng sinh năm 1953 và các đương sự xác định chị Phượng ở tại nhà của ông, bà từ nhỏ đến nay. Từ năm 1982, chị Phượng đã là chủ hộ khẩu tại nhà đất này, cụ Ngự còn sống nhưng ở nơi khác, bà Thường chuyển hộ khẩu về tại đây từ năm 1979 nhưng không ở đây, nên chị Phượng đã trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất tranh chấp từ sau khi cụ Ngự chết đến nay. Các đương sự khác đều có nơi ở ổn định nơi khác. Khi chia thừa kế và tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không xem xét tạo điều kiện cho chị Phượng có chỗ ở mà buộc chị Phượng phải giao lại nhà cho các nguyên đơn trong đó có phần quyền tài sản chị Phượng được hưởng thừa kế của mẹ là bà Tư là chưa phù hợp.

Tuy chị Phượng không phải thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hưng, cụ Ngự, nhưng là cháu nội của hai cụ và có nhiều công sức quản lý, đã chi tiền sửa chữa nhà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phượng không yêu cầu xem xét công sức vì chị Phượng cho rằng vụ án đã hết thời hiệu chia thừa kế, không đồng ý trả nhà đất cho các thừa kế. Như vậy, yêu cầu của chị Phượng đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn

yêu cầu xem xét về công sức, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa xem xét công sức cho chị Phụng là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 297, khoản 1, 2 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011;

QUYẾT ĐỊNH

Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 116/2011/DS-PT ngày 10-5-2011 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 3363/2009/DSST ngày 18-11-2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án tranh chấp thừa kế tài sản giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thuởng, bà Nguyễn Thị Xuân với bị đơn là chị Nguyễn Thị Thuý Phụng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“Cụ Hưng chết năm 1978, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì ông Trãi được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế của cụ Hưng. Phần tài sản ông Trãi được hưởng của cụ Hưng là tài sản chung của vợ chồng ông Trãi, bà Tư. Bà Tư chết năm 1980, các thừa kế của bà Tư gồm ông Trãi và 03 người con của ông Trãi, bà Tư trong đó có chị Phụng.

Tuy chị Phụng không phải thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hưng, cụ Ngự, nhưng là cháu nội của hai cụ và có nhiều công sức quản lý, đã chi tiền sửa chữa nhà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phụng không yêu cầu xem xét công sức vì chị Phụng cho rằng vụ án đã hết thời hiệu chia thừa kế, không đồng ý trả nhà đất cho các thừa kế. Như vậy, yêu cầu của chị Phụng đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa xem xét công sức cho chị Phụng là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự.”.